

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Jose Ma. Kamantigue Lim	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Luis Soriano Renon	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

Số: 2237/2025/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2025, từ trang 4 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.963.564.542.775	1.972.722.219.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.237.336.550	14.279.355.620
1. Tiền	111		6.737.336.550	3.779.355.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		265.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	265.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.679.567.883.089	1.954.840.442.475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.181.037.073	31.910.894.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	883.078.900	1.965.912.880
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	99.334.842.404	497.150.167.627
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.584.711.669.787	1.458.356.212.506
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	608.083.898	490.268.859
1. Hàng tồn kho	141		608.083.898	490.268.859
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.151.239.238	3.112.152.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	60.150.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.483.941.913	1.384.705.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.667.297.325	1.667.297.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.155.556.779.384	4.775.271.984.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		459.390.925.800	404.674.200.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	458.674.200.000	404.674.200.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	716.725.800	-
II. Tài sản cố định	220		2.902.727.774	3.144.808.203
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.826.061.107	3.144.808.203
- Nguyên giá	222		6.823.006.016	6.823.006.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.996.944.909)	(3.678.197.813)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	76.666.667	-
- Nguyên giá	228		130.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.333.333)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	175.100.465
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	175.100.465
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.687.715.708.847	4.364.680.402.847
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	4.687.715.708.847	4.364.680.402.847
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.547.416.963	2.597.472.697
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.547.416.963	2.597.472.697
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.119.121.322.159	6.747.994.204.051

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.212.226.162.069	3.951.575.700.880
I. Nợ ngắn hạn	310		819.606.867.244	457.420.827.584
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.909.635.497	21.369.755.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.875.433.358	1.875.433.358
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.253.959.505	245.610.821
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.386.302	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	485.092.455.335	395.550.607.323
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	309.076.994.579	34.132.281.037
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.213.002.668	4.247.139.364
II. Nợ dài hạn	330		3.392.619.294.825	3.494.154.873.296
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	3.392.619.294.825	3.494.154.873.296
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.906.895.160.090	2.796.418.503.171
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.906.895.160.090	2.796.418.503.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		883.476.811.509	773.000.154.590
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		765.369.911.710	467.790.439.415
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		118.106.899.799	305.209.715.175
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.119.121.322.159	6.747.994.204.051

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.861.375.377	3.682.212.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		3.861.375.377	3.682.212.033
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.727.722.313	4.288.906.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		133.653.064	(606.694.161)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	309.769.865.522	260.113.955.120
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	186.645.895.073	138.088.082.711
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		186.645.895.073	138.088.082.711
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.114.726.485	4.910.483.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		118.142.897.028	116.508.695.000
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		35.997.229	369.861
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(35.997.229)	(369.861)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		118.106.899.799	116.508.325.139
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		118.106.899.799	116.508.325.139


Phùng Thị Thắm
 Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	118.106.899.799	116.508.325.139
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	322.080.429	321.179.196
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(309.769.865.522)	(260.113.955.120)
Chi phí lãi vay	06	186.645.895.073	138.088.082.711
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.694.990.221)	(5.196.368.074)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.150.106.681	(2.177.470.054)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	57.285.426	(417.919.139)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.347.536.906)	(2.232.868.930)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.889.794.266)	534.172.222
Tiền lãi vay đã trả	14	(132.833.352.755)	(120.833.174.336)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.138.331.000)	(1.649.175.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.696.613.041)	(131.972.803.311)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(80.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(356.185.000.000)	(47.694.200.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	414.392.889.814	120.194.782.481
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(323.035.306.000)	(26.532.087.785)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.527.032.805	89.572.807.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(78.380.383.381)	135.541.302.057
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	745.000.000.000	445.749.959.505
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(516.965.022.648)	(397.048.084.933)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(385.709.530.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	228.034.977.352	(337.007.655.428)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	957.980.930	(333.439.156.682)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.279.355.620	376.864.985.966
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	15.237.336.550	43.425.829.284



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CI"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 49,84% và sở hữu gián tiếp 5% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 32 và 35 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Tên công ty	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ				Hoạt động chính
	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ	Sở hữu trực tiếp (%)		Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ		Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	89%	0%	89%	89%	0%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	0%	51%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	0%	100%	100%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	50,36%	50,71%	50,36%	0%	50,71%	50,71%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	0%	51%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên	
6. Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu Đường Hiền An Bình) (ii)	100%	100%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	0%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác	
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình)	100%	100%	99,99%	100%	99,99%	0%	99,99%	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.
- (ii) Ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 0,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình, nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này từ 99,99% lên 100%. Theo đó, Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình đã thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thực hiện theo chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư đã được Hội đồng Quản trị Công ty CII phê duyệt trong năm 2024, từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến ngày 16 tháng 5 năm 2025, Công ty CII đã chuyển nhượng 3,850 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 1.99%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"). Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 49,84% và nắm giữ gián tiếp 5% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.

Sau khi nắm giữ toàn bộ vốn trong Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình, Công ty đã góp vốn bổ sung 323 tỷ đồng vào công ty con này theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính và kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.737.336.550	3.779.355.620
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	10.500.000.000
Cộng	15.237.336.550	14.279.355.620

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	265.000.000.000	-

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 175 ngày đến 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Sài Gòn, lãi suất dao động từ 4,3% đến 4,5%/năm. Tất cả các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (xem thêm Thuyết minh V.17).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	5.884.153.168	8.614.010.632
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Các khách hàng khác	9.768.622.966	9.768.622.966
Cộng	29.181.037.073	31.910.894.537

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	-	540.430.980
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - Công ty Cổ phần	-	574.383.000
Các nhà cung cấp khác	33.078.900	1.098.900
Cộng	883.078.900	1.965.912.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	99.334.842.404	497.150.167.627
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	457.480.000.000	403.480.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	1.194.200.000
	458.674.200.000	404.674.200.000
Tổng cộng phải thu về cho vay	558.009.042.404	901.824.367.627

Số dư cuối kỳ của các khoản cho vay với bên liên quan bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty CII theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 99.334.842.404 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 600 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 06 tháng 11 năm 2030. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ từ 10,37%-10,53%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 457.480.000.000 đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ Phần Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận.

6. Phải thu khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.489.908.160.694	1.370.239.808.603
Tạm góp vốn bổ sung vào dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	47.275.800.000
Đặt cọc mua cổ phần (i)	27.726.287.785	27.726.287.785
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay hỗ trợ vốn	7.890.979.487	3.050.496.907
Các khoản phải thu khác	11.910.441.821	10.063.819.211
Cộng	1.584.711.669.787	1.458.356.212.506
b. Dài hạn		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	716.725.800	-
Tổng cộng	1.585.428.395.587	1.458.356.212.506
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	1.544.745.787.738	1.420.484.955.167

- (i) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận cam kết chuyển nhượng ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc cam kết bán cho Công ty cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	-	(22.804.269.724)	22.804.269.724
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	-	(850.000.000)	850.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	-	(10.888.475.351)	10.888.475.351
Cộng	34.542.745.075	-	(34.542.745.075)	34.542.745.075
				(34.542.745.075)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Xóa nợ trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dờ dang	608.083.898	-	490.268.859	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá									
	854.759.656	460.370.000		4.372.682.072		445.705.400	689.488.888		6.823.006.016
Số dư đầu kỳ									
Số dư cuối kỳ	854.759.656	460.370.000		4.372.682.072		445.705.400	689.488.888		6.823.006.016
Giá trị hao mòn lũy kế									
	819.081.168	104.131.305		2.452.294.939		159.046.876	143.643.525		3.678.197.813
	3.568.992	32.883.570		165.897.928		58.939.196	57.457.410		318.747.096
	822.650.160	137.014.875		2.618.192.867		217.986.072	201.100.935		3.996.944.909
Giá trị còn lại									
	35.678.488	356.238.695		1.920.387.133		286.658.524	545.845.363		3.144.808.203
Số dư đầu kỳ									
Số dư cuối kỳ	32.109.496	323.355.125		1.754.489.205		227.719.328	488.387.953		2.826.061.107

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 2.881.534.990 đồng và 1.757.834.954 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	50.000.000
Mua trong kỳ	80.000.000
Số dư cuối kỳ	130.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	50.000.000
Khấu hao trong kỳ	3.333.333
Số dư cuối kỳ	53.333.333
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	76.666.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	147.940.699	1.889.009.917.776	-	-	147.940.699	1.889.009.917.776
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	-	94.350.000	943.500.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	-		607.325.833.333
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)		659.031.334.454	-	-		335.996.028.454
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	-	28.700.000	242.278.623.284
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	-	21.998.000	219.980.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000	-	-		106.590.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	2.000.000	20.000.000.000	-	-	2.000.000	20.000.000.000
Cộng		4.687.715.708.847				4.364.680.402.847

Trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ các cổ đông là cá nhân và ghi nhận tăng vốn góp vào Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình) ("HAB") với tổng số tiền là 323.035.306.000 đồng. Việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ các cổ đông là cá nhân đã làm tăng tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con đạt 100%.

Giá trị hợp lý của các công ty con không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí nghiên cứu phát triển dự án	3.022.354.301	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.275.062.662	2.567.314.973
Thiết bị, dụng cụ quản lý xuất dùng		30.157.724
Chi phí trả trước khác	250.000.000	-
Cộng	5.547.416.963	2.597.472.697

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	897.864.925	850.000.000
Phải trả các bên khác	14.011.770.572	20.519.755.681
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.891.476.908	12.082.849.908
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ Thiên Ân	221.379.648	2.520.570.858
Các nhà cung cấp khác	1.898.914.016	2.916.334.915
Cộng	14.909.635.497	21.369.755.681

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	476.098.580	476.098.580
Các khách hàng khác	1.399.334.778	1.399.334.778
Cộng	1.875.433.358	1.875.433.358

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối kỳ VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	1.116.463.500	-	1.116.463.500
Thuế thu nhập cá nhân	245.610.821	958.119.316	1.066.234.132	137.496.005
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	245.610.821	2.078.582.816	1.070.234.132	1.253.959.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Nhận hoàn vốn đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	109.549.509.355	110.059.509.355
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	116.749.326.732	50.394.639.319
Phải trả chi phí sử dụng vốn	34.204.595.640	12.948.701.521
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.565.621.128	2.157.621.128
Cổ tức phải trả	4.470.000	4.470.000
Các khoản phải trả khác	2.038.932.480	5.666.000
	485.092.455.335	395.550.607.323
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	3.385.319.294.825	3.486.854.873.296
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	3.392.619.294.825	3.494.154.873.296
Cộng	3.877.711.750.160	3.889.705.480.619
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	3.867.802.726.552	3.880.237.723.491

(i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của các công ty con bao gồm Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu với giá trị là 109.549.509.355 đồng. Số tiền này sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 943.750.000.000 đồng.
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.360.488.014.783 đồng;
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 868.139.311.949 đồng;
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 329.691.294.825 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	265.000.000.000		265.000.000.000	-	-	
Công ty CII – Công ty mẹ	44.076.994.579		9.944.713.542	-	34.132.281.037	
Cộng	309.076.994.579		274.944.713.542	-	34.132.281.037	

Chi tiết các khoản hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ cuối kỳ bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 23/2020/HĐHT-CII ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích hợp tác kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 26.974.438.124 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025, tài sản đảm bảo là cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 6.302.556.455 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 15/2020/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 10.800.000.000 đồng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn với thời hạn vay không quá 6 tháng nhằm mục đích góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình. Lãi suất trong kỳ là 4,8% - 5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi tổng giá trị 265 tỷ mở tại BIDV (Thuyết minh V.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Số dư đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	116.508.325.139	116.508.325.139		
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(96.427.382.500)		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)		
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)		
Số dư cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	584.298.764.554	2.607.717.113.135		
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024							
Số dư đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	584.298.764.554	2.607.717.113.135		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	188.701.390.036	188.701.390.036		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-		
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-		
Số dư cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171		
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025							
Số dư đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	118.106.899.799	118.106.899.799		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.104.194.304)	(6.104.194.304)		
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.526.048.576)	(1.526.048.576)		
Số dư cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	883.476.811.509	2.906.895.160.090		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến từ 10-12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2025.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.861.375.377	3.682.212.033
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	3.861.375.377	3.682.212.033

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.727.722.313	4.288.906.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.168.746.420	211.838.828.367
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.601.119.102	48.275.126.753
Cộng	309.769.865.522	260.113.955.120
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	309.429.980.917	259.777.040.227

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư	186.645.895.073	138.088.082.711
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	186.460.508.771	137.806.080.049

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.136.393.405	1.627.726.651
Chi phí đồ dùng văn phòng	442.120.525	118.209.162
Chi phí khấu hao	204.995.337	654.473.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.188.680.516	278.032.457
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.142.536.702	2.232.041.926
Cộng	5.114.726.485	4.910.483.248

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.106.899.799	116.508.325.139
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	61.872.060.301	27.908.903.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(262.168.746.420)	(211.838.828.367)
Lỗ tính thuế	(82.189.786.320)	(67.421.600.195)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty con
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.812.882.694	1.842.282.694
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.398.286.511	4.757.626.975
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty CII	589.383.000	-
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	433.316.890	363.816.890
Cộng	5.884.153.168	8.614.010.632
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	-	540.430.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	99.334.842.404	497.150.167.627
Công ty CII	99.334.842.404	497.150.167.627
Phải thu về cho vay dài hạn	457.480.000.000	403.480.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	457.480.000.000	403.480.000.000
Cộng	556.814.842.404	900.630.167.627
Phải thu ngắn hạn khác		
Cổ tức và lợi nhuận phải thu	1.409.908.160.694	1.370.239.808.603
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	521.307.935.975	486.437.241.778
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	540.715.964.523	397.115.611.714
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	201.442.257.996	267.479.924.642
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	215.422.002.200	209.268.241.076
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	10.000.000.000	9.938.789.393
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	1.020.000.000	-
Lãi phải thu	7.561.827.044	2.969.346.564
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	7.561.827.044	2.969.346.564
Phải thu khác	47.275.800.000	47.275.800.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	47.275.800.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.544.745.787.738	1.420.484.955.167
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng		
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	716.725.800	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	850.000.000	850.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	34.347.560	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	13.517.365	-
Cộng	897.864.925	850.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	476.098.580	476.098.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.502.068.621.557	3.537.249.512.615
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.360.488.014.783	902.980.382.919
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	943.750.000.000	965.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	868.139.311.949	878.652.639.319
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	329.691.294.825	790.616.490.377
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư	219.980.000.000	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	219.980.000.000	219.980.000.000
Lợi nhuận nhận trước	109.549.509.355	110.059.509.355
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	510.000.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	36.204.595.640	12.948.701.521
Công ty CII	36.204.595.640	12.948.701.521
Cộng	3.867.802.726.552	3.880.237.723.491

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	1.719.604.209	1.275.902.433
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.018.710.000	1.339.945.962
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	436.363.638	436.363.638
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	60.000.000	30.000.000
Công ty CII	26.697.530	-
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan	3.861.375.377	3.682.212.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>262.168.746.420</i>	<i>211.838.828.367</i>
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	164.380.352.809	112.072.188.140
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	79.858.421.880	76.059.256.662
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	16.338.761.124	18.707.358.565
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	1.530.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	61.210.607	5.000.025.000
<i>Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn</i>	<i>47.261.234.497</i>	<i>47.938.211.860</i>
Công ty CII	25.341.108.232	27.651.614.805
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	21.920.126.265	19.138.105.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	1.101.642.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đư	-	46.849.315
Cộng doanh thu tài chính từ bên liên quan	309.429.980.917	259.777.040.227
<i>Chi phí tài chính</i>		
<i>Chi phí lãi vay</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	72.613.068.007	39.784.931.506
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	51.072.609.589	51.131.265.752
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	41.567.188.563	45.305.274.739
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	19.074.804.448	-
Công ty CII	2.132.838.164	1.584.608.052
Cộng chi phí tài chính từ bên liên quan	186.460.508.771	137.806.080.049

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	17.185.000.000	11.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	394.392.889.814	55.109.462.431
Chi trả cổ tức trong kỳ	-	211.511.684.000
Cổ tức đã chia	-	52.877.921.000
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	32.156.164.384
Thanh toán nợ gốc hỗ trợ vốn	-	40.968.381.564
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	74.000.000.000	5.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	20.000.000.000	32.000.000.000
Nhận tiền lãi hỗ trợ vốn	17.327.645.785	18.879.377.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận thanh toán lợi nhuận	44.987.727.683	33.051.629.569
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình		
Chuyển tiền góp vốn	323.000.000.000	-
Nhận tiền cổ tức	10.185.000.000	8.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	25.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	13.700.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	-	1.101.642.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000
Mua dịch vụ	2.377.722.220	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	8.718.351.364	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	480.000.000.000	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	12.547.654.594	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	386.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	17.000.000.000	18.750.000.000
Mua dịch vụ	1.475.036.046	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	480.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Nhận tiền cổ tức	66.037.666.646	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	167.707.286	139.545.000
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	69.772.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)	134.165.829	167.454.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập	111.804.858	93.328.333
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)	111.804.858	139.545.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	46.216.667
Ông Đặng Quang Phục Cộng	Thư ký	33.541.455	41.860.000
		894.438.860	1.116.356.000
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	89.443.886	74.125.667
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	37.510.333
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	67.082.915	83.727.000
Bà Lương Kim Diên An Cộng	Thành viên	67.082.915	83.727.000
		223.609.716	279.090.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.059.538.734	985.188.867
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	639.452.307	583.783.125
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)	462.552.722	-
Bà Lương Thị Thu Yến Cộng	Kế toán trưởng	338.737.500	366.979.708
		2.500.281.263	1.935.951.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	323.035.306.000	26.532.087.785
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	745.000.000.000	445.749.959.505
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	323.682.300.319
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	516.965.022.648	73.365.784.614

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thu hồi toàn bộ số dư khoản hỗ trợ vốn còn lại từ Công ty CII theo Hợp đồng số 07/2015/HĐ-CII B&R ký ngày 21 tháng 7 năm 2015 và các phụ lục điều chỉnh kèm theo hợp đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng.


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025